

Số: 86/2024/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 22 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 105/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1989 và bà Phan Thị L, sinh năm 1991 ; Cùng địa chỉ: Số 345 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L kết hôn với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2013 ngày 15/3/2013), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống tại số 345 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không hợp dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng cũng như hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng không hòa hợp được. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn để sống chung nên ông S, bà L làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông S, bà L vẫn tiếp tục yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

- *Về quan hệ con chung*: Ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L thống nhất xác định có 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2013 và Nguyễn Ngọc Tú U, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2015. Tại đơn thuận tình ly hôn vợ chồng ông, bà thỏa thuận giao 02 con chung cho bà Phan Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tuy nhiên nguyện vọng của các con chung được ở với ông Nguyễn Văn S. Do đó, ông S, bà L thống nhất thỏa thuận:

Khi ly hôn, giao 02 con chung Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2013 và Nguyễn Ngọc Tú U, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Bà Phan Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy ông S, bà L đã tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên công nhận thỏa thuận của ông, bà về việc nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Ông S, bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông S, bà L xác định không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Công nhận thỏa thuận của ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L về việc nuôi dưỡng con chung như sau: Giao 02 con chung Nguyễn Ngọc Tú A, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2013 và Nguyễn Ngọc Tú U, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2015 cho ông Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Bà Phan Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung.

2. *Về lệ phí Tòa án:* Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000741 ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị L đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND TT Lăng Cô, huyện Phú Lộc (GĐKKH số 103 ngày 22/10/2018);
- Lưu hồ sơ việc DS.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cương